

Ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn

Phan Nguyễn Thanh Tân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Ký lịch sử của Trần Dũng không chỉ dừng ở việc kể lại quá khứ, mà còn thể hiện phương thức đối thoại giữa lịch sử và hiện tại, quyền lực của sự kiện và quyền lực của ngôn từ. Nghiên cứu này tập trung phân tích ký lịch sử của Trần Dũng nhìn từ lý thuyết diễn ngôn, nhằm làm rõ cách thể loại này đã kết hợp mã "sự thật" với mã "hư cấu" trong việc tái hiện lịch sử như thế nào. Trên cơ sở vận dụng kết hợp phương pháp liên ngành, phương pháp loại hình, phương pháp phân tích – tổng hợp, nghiên cứu chỉ ra rằng: mã "sự thật" biểu hiện qua yếu tố lịch sử (nhân vật, sự kiện), chịu sự chi phối của quyền lực xã hội; mã "hư cấu" biểu hiện qua cấu trúc "siêu văn bản", phản ánh vai trò sáng tạo của nhà văn. Tính mới của nghiên cứu nằm ở việc nhận diện cơ chế diễn ngôn được xem như hình thức quyền lực đặc thù, tham gia trực tiếp vào quá trình tổ chức, điều tiết và diễn giải lịch sử, đồng thời xác định đặc trưng lai ghép thể loại và các chiến lược biểu đạt trong ký lịch sử của Trần Dũng. Qua đây, nghiên cứu góp phần cho thấy vai trò của người viết như chủ thể diễn ngôn, vừa là nhân chứng, vừa là người kiến tạo lịch sử bằng ngôn từ, từ đó góp phần mở rộng hướng nghiên cứu ký lịch sử Việt Nam đương đại trong mối tương quan với thi pháp thể loại và văn hóa, xã hội.

Từ khóa: diễn ngôn, ký lịch sử, Trần Dũng, mã "sự thật", mã "hư cấu"

MỞ ĐẦU

Trong lịch sử văn học, sự vận động và đổi mới là quy luật tất yếu. Khi các hướng tiếp cận truyền thống dần bộc lộ những hạn chế trong khả năng tiếp nhận và vận dụng, yêu cầu đổi mới lý thuyết trở nên cấp thiết. Sự xuất hiện của các khung tri thức phương Tây, trong đó có lý thuyết diễn ngôn, đã góp phần mở rộng phạm vi nghiên cứu văn học, không chỉ tập trung vào nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, mà còn đặt tác phẩm trong mối liên hệ với bối cảnh lịch sử, văn hóa và quyền lực kiến tạo diễn ngôn.

Ở Việt Nam, văn học viết về đề tài lịch sử nổi lên như một hệ hình văn học, với sự tiên phong của tiểu thuyết lịch sử. Bên cạnh đó, ký lịch sử là bộ phận của văn học viết về đề tài lịch sử, góp phần làm cho ranh giới giữa "sự thật" lịch sử và hư cấu nghệ thuật không còn là những đường biên cố định. Thể loại này không chỉ tái hiện quá khứ, mà còn chất vấn, suy tư về cách thức lịch sử được ghi chép, diễn giải và truyền đạt. Tuy nhiên, so với tiểu thuyết lịch sử, ký lịch sử vẫn là thể loại ít được chú ý, không phải vì hạn chế về giá trị nghệ thuật, mà bởi nó chưa thực sự phổ biến trong nghiên cứu và phê bình.

Văn học Đồng bằng sông Cửu Long là vùng văn học tiềm năng, giàu bản sắc, có đội ngũ sáng tác đông đảo. Đầu thế kỷ XXI, vùng văn học này chuyển biến tích cực, trở nên năng động và phát triển đa dạng về thể loại. Sự phát triển này không chỉ thúc đẩy tiến

trình vận động của văn học nước nhà, mà còn đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của độc giả. Trong bối cảnh đó, Trần Dũng được xem như tác giả thành công ở ký lịch sử. Ông đạt nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín. Ở cấp độ toàn quốc, Trần Dũng đạt giải Nhì cuộc thi Bút ký 2010 (do Hội Nhà văn Việt Nam và Bộ Giáo dục tổ chức) với *Người đàn bà gánh chũr qua sông* và giải C của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam 2012 với *Sóng búa Côn Ngao*. Ở cấp độ khu vực, ông đạt giải Nhì Ký văn học 2004 với *Chuyện Dũng đen* và giải Nhì Ký văn học 2010 với *Người phu lục lộ nhân dân*. Trong ký lịch sử, Trần Dũng kết hợp "sự thật" lịch sử với "hư cấu" nghệ thuật, làm mới diện mạo thể loại. Ông không chỉ ghi chép những sự kiện, nhân vật có thật, mà còn tạo dựng không gian văn chương có khả năng khơi gợi suy tư về lịch sử, quyền lực và con người. Điều này đặt ra hướng nghiên cứu cần thiết: ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn.

Trong giới học thuật, nghiên cứu ký của Trần Dũng chưa được phổ biến. Phần lớn công trình thường khái quát về tác giả và tác phẩm, hoặc tập trung vào những vấn đề thuộc phương diện nội dung và phương diện hình thức. Năm 2019, Trầm Thanh Tuấn công bố bài viết "Trần Dũng, nhà văn của chữ "kỳ"¹, đăng trực tuyến trên Diễn đàn văn học nghệ thuật – Văn chương phương Nam, chuyên mục Nghiên cứu – phê bình. Vận dụng lý thuyết ký hiệu học, tác giả làm rõ

Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Email: nttanh@ctu.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 26-03-2025
- Ngày sửa đổi: 10-11-2025
- Ngày chấp nhận: 07-05-2026
- Ngày đăng: x

DOI: x



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Tân P N T, Hạnh N T H. *Ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn*. Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum. 2026; x(x):x-x.

phong cách sáng tác ký của Trần Dũng trong việc phục dựng không gian sông nước và con người Trà Vinh, tập trung ở hai phương diện: ký thổ trong truyện ký Trần Dũng, ký nhân trong truyện ký Trần Dũng. Năm 2023, bài viết “Cọp chiến khu Đ và thiếu tướng Bùi Cát Vũ trong tập ký *Sông của sông*”² của Trầm Thanh Tuấn được xuất bản trên Tạp chí Văn nghệ Trà Vinh, số 141, trang 57 – 62. Tác giả đã làm rõ dấu ấn văn hóa Nam Bộ qua hành động của Bùi Cát Vũ và cộng sự trong lúc đối mặt với thú dữ, khẩn vái khi phát hiện thi thể đồng đội. Điều này cho thấy nhà văn không chỉ ca ngợi chiến công, mà còn phục dựng văn hoá về con người và vùng đất Trà Vinh.

Từ những cơ sở vừa nêu, có thể nói, ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn là hướng nghiên cứu có tính mới, thể hiện ý nghĩa khoa học trong việc lý giải sự tương tác giữa diễn ngôn lịch sử và diễn ngôn văn chương, tiếp nối những tìm tòi về diễn ngôn văn chương và sự vận động của các thể loại trong dòng chảy lịch sử văn học. Với đối tượng nghiên cứu là diễn ngôn, phạm vi nghiên cứu là mã thể loại, ngữ liệu nghiên cứu là ký lịch sử của Trần Dũng, nghiên cứu được thực hiện nhằm hướng đến mục đích: trình bày lý thuyết cơ bản về diễn ngôn và ký lịch sử, xác lập hướng tiếp cận dựa trên cơ sở lý thuyết, phân tích diễn ngôn ký lịch sử của Trần Dũng nhìn từ mã thể loại, khẳng định vị trí của ký lịch sử trong Văn học Việt Nam.

NỘI DUNG CHÍNH

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở vận dụng kết hợp ba phương pháp chủ đạo: **phương pháp liên ngành, phương pháp loại hình, phương pháp phân tích – tổng hợp**. Trong đó, mỗi phương pháp đều đảm nhiệm vai trò cụ thể, gắn với từng khía cạnh của vấn đề nghiên cứu. Việc kết hợp này nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong việc nhận diện và phân tích diễn ngôn ký lịch sử như một hiện tượng văn học đặc thù.

Phương pháp liên ngành được vận dụng nhằm tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ góc độ lịch sử và văn học, cụ thể là xác định và phân tích những yếu tố lịch sử được đưa vào văn bản ký, cũng như cách mà nhà văn xử lý, chuyển hóa các yếu tố đó thành chất liệu văn học.

Phương pháp loại hình được vận dụng để phân chia các loại/ thể văn học và biểu hiện của các yếu tố lịch sử, làm cơ sở để nhận diện ký lịch sử cũng như những yếu tố thể loại chi phối quá trình kiến tạo diễn ngôn lịch sử và diễn ngôn văn chương.

Phương pháp phân tích – tổng hợp được vận dụng để giải mã diễn ngôn *ký lịch sử* qua mã thể loại. Quá trình

này bắt đầu bằng việc phân tích chi tiết các biểu hiện ngôn ngữ, cấu trúc tự sự và các chiến lược diễn ngôn trong văn bản, tổng hợp các nhận định nhằm rút ra đặc điểm thể loại.

Cơ sở lý thuyết và định hướng tiếp cận

Diễn ngôn

Diễn ngôn là khái niệm xuất phát từ ngôn ngữ học, có quá trình phát triển phức tạp, được diễn giải theo nhiều đường hướng lý luận. Trong tiếng Latinh, “diễn ngôn” (“discourse”) có nghĩa hội thoại, đàm thoại. Phần lớn từ điển hiện hành vẫn dựa trên nét nghĩa này để lý giải khái niệm, nhưng đây chỉ là điểm khởi đầu cho việc định nghĩa một thuật ngữ có nội hàm rộng.

Đến nay, diễn ngôn được tiếp cận từ nhiều góc nhìn. Mỗi góc nhìn giúp làm rõ một khía cạnh của hiện tượng này. Từ góc nhìn Ngôn ngữ học, diễn ngôn được hiểu như dạng thức ngôn ngữ nói hoặc viết, tồn tại ở cấp độ lớn hơn câu và gắn với ngữ cảnh. Từ góc nhìn Phong cách học, diễn ngôn được hiểu như dạng thức ngôn ngữ gắn với tư tưởng. Từ góc nhìn Xã hội học, M. Foucault cho rằng:

Thay vì giảm dần nét nghĩa vốn đã dao động của từ “diễn ngôn”, tôi tin rằng thực tế tôi còn bổ sung nét nghĩa cho nó: lúc thì coi nó như một khu vực chung của tất cả các nhận định, lúc thì coi nó như một nhóm các nhận định có thể cá nhân hoá, và lúc thì coi nó là một hoạt động được kiểm soát đã kiến tạo cho một số các nhận định” [3, tr.63].

Nếu ta định nghĩa thuật ngữ một cách cứng nhắc, thì có thể hạn chế sự thích nghi của nó. Ngược lại, nếu đặt thuật ngữ trong sự vận động, ta có thể giúp nó phát triển. Thay vì đề xuất định nghĩa cố định, M. Foucault đa dạng hoá nội hàm diễn ngôn, để hiện tượng này được vận dụng trong những trường hợp khác nhau. Nghiên cứu diễn ngôn từ nhiều góc nhìn giúp làm rõ cơ chế ngôn ngữ, phương thức tương tác giữa ngôn ngữ và các quyền lực.

Trong phạm vi nghiên cứu này, diễn ngôn được hiểu là dạng thức ngôn ngữ nói hoặc viết, tồn tại ở cấp độ lớn hơn câu, nhằm biểu đạt quan niệm, tư tưởng của chủ thể thực hiện diễn ngôn, chịu sự chi phối của các quyền lực và thi pháp thể loại. Cách hiểu này có sự tham chiếu Phong cách học và Ngôn ngữ học, đồng duy trì quan điểm của M. Foucault, xem diễn ngôn là một hệ thống tri thức vừa sản sinh nghĩa, vừa tổ chức và kiểm soát nghĩa bởi quyền lực. **Dù diễn ngôn có tính chất liên ngành, vượt khỏi ranh giới các lĩnh vực, trong nghiên cứu này, định hướng tiếp cận chủ đạo là Phong cách học**, phân tích những yếu tố thuộc phương diện nội dung (từ nhân vật đến sự kiện) và

phương diện nghệ thuật (từ “siêu văn bản” đến “siêu thể loại”) của tác phẩm. Những yếu tố này được xem như *mã thể loại* (genre codes), đóng vai trò xác lập mối liên hệ giữa thông tin và cấu trúc loại hình, chi phối sự phát triển và tổ chức của văn bản, kiến thành diễn ngôn thể loại. Dựa trên cách tiếp cận của I. Lotman và R. Barthes, thuật ngữ “mã” trong lý thuyết thông tin được vận dụng để nhận diện và xác lập mã thể loại. Bởi mỗi văn bản được hình thành từ những hệ thống mã có khả năng lưu giữ và truyền đạt thông tin. Bên cạnh đó, góc nhìn Ngôn ngữ học và Xã hội học được kết hợp để làm rõ sự chi phối của các quyền lực đến diễn ngôn ký. Việc kết hợp nhiều hướng tiếp cận mang lại cái nhìn đa chiều về diễn ngôn trong lý thuyết và thực tiễn.

Ký lịch sử

Bên cạnh tự sự, trữ tình, kịch, chính luận, ký là loại hình văn học góp phần làm nên diện mạo Văn học Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là ký xuất hiện từ thời hiện đại. Thực tế cho thấy, hình thức ghi chép có tính chất ký đã song hành cùng sự hình thành và phát triển của chữ viết. Thời hiện đại chỉ đánh dấu bước ngoặt trong cách nhìn nhận ký với vai trò của loại hình văn học, tương quan với loại hình văn học khác.

Sự kết hợp giữa “sự thật” và “hư cấu” là đặc điểm nổi bật của ký. “Sự thật” trong ký được hiểu là các yếu tố mang tính xác thực, phản ánh trung thực hiện thực đời sống. Trong ký, “sự thật” đóng vai trò như **chất liệu hữu cơ**, được giữ gìn ở mức độ thuần chất, ít bị biến tấu để phù hợp với bối cảnh văn bản. Tuy nhiên, “sự thật” trong ký không phải là sự thật khách quan, tuyệt đối, mà luôn được “lọc” qua góc nhìn của nhà văn. Tuy mục đích của nhà văn, “sự thật” trong ký có thể phản ánh bối cảnh đương thời hoặc bối cảnh lịch sử. Có thể nói, lịch sử là một trong những yếu tố thường trực trong ký. Khi lịch sử được sử dụng như phương tiện triển khai đề tài, nó làm mới diện mạo của ký, tạo thành một nhánh riêng gọi là ký lịch sử. Trong phạm vi nghiên cứu này, ký lịch sử được hiểu là ký viết về đề tài lịch sử.

Nếu như tiểu thuyết lịch sử cho phép nhà văn sáng tạo, hư cấu các tuyến nhân vật, cốt truyện, thậm chí đôi khi đảo ngược sự kiện để phục vụ mục đích nghệ thuật, thì ký lịch sử lại nghiêng về sự trung thực với lịch sử, trong khi vẫn giữ yếu tố chủ quan, cảm xúc của người viết. Ký lịch sử lấy “sự thật” làm nền tảng, nhưng “sự thật” ấy được phản ánh qua lăng kính cá nhân. Vì vậy, dù cùng khai thác chất liệu lịch sử, tiểu thuyết lịch sử thiên về hư cấu, ký lịch sử lại tiếp cận lịch sử bằng cái nhìn cá nhân, song vẫn tôn trọng tính xác thực của sự kiện.

Ký bao gồm nhiều thể loại, trong đó, ký sự, bút ký, tùy bút, hồi ký, du ký là những thể loại phổ biến. Trong khi ký sự và bút ký chú trọng việc phản ánh hiện thực một cách trung thực và có tính thời sự, thì tùy bút và hồi ký mang tính cá nhân và cảm xúc nhiều hơn. Du ký lại mở rộng biên độ phản ánh khi tái hiện những vùng đất, con người, văn hóa qua hành trình trải nghiệm thực tế. Dù khai thác nhiều chủ đề khác nhau, nhưng lịch sử vẫn là chất liệu phong phú, hiện diện trong ký ở nhiều mức độ, từ bối cảnh, nhân vật đến tư liệu dẫn chiếu.

Yếu tố lịch sử trong ký không phải vấn đề hoàn toàn mới. Trước đây, từng có những công trình đề cập đến vấn đề này. Trong *Những vấn đề về lý luận văn học* (1962), Hà Minh Đức khẳng định ký thể hiện rõ hai yếu tố lịch sử và nghệ thuật:

Yếu tố lịch sử bộc lộ ở tính chất phản ánh và tái hiện chân thực những sự kiện trong đời sống; nhưng điều đó không có nghĩa là các sự kiện lịch sử và hiện tượng xã hội được tái hiện đơn thuần mà được giải thích theo những quan điểm mỹ học nhất định, và được phản ánh thông qua những hình tượng nghệ thuật cụ thể [4, tr.147].

Tuy nhiên, yếu tố lịch sử được nhà nghiên cứu đề cập không chỉ giới hạn ở bối cảnh lịch sử, mà còn có nội hàm rộng hơn, gồm mã “sự thật”. Dù yếu tố lịch sử xuất hiện trong nhiều tác phẩm ký, nhưng không phải tác phẩm nào cũng được xem như ký lịch sử.

Không nằm ngoài quỹ đạo văn chương, bên cạnh “sự thật”, ký còn có yếu tố “hư cấu”. “Hư cấu” trong ký được hiểu là các yếu tố mang tính nghệ thuật, được tạo nên từ kỹ thuật sáng tác của nhà văn. Ký không sao chép hiện thực một cách máy móc, mà tái hiện hiện thực qua lăng kính nghệ thuật của nhà văn. “Sự thật” trong ký đôi khi được “hư cấu”, nhưng không làm mất đi tính xác thực vốn có. Nếu xem ký như một loại hình diễn ngôn, thì “sự thật” và “hư cấu” là yếu tố chính cấu thành diễn ngôn ký. Việc nhận diện ranh giới giữa “sự thật” và “hư cấu” trong ký đôi khi không tuyệt đối. Tuy nhiên, có thể phân biệt yếu tố “sự thật” và “hư cấu” trong ký dựa trên hai tiêu chí chính: (1) mức độ có thể xác minh của thông tin (sự kiện, nhân vật, địa danh,...); (2) đặc điểm của thông tin ấy trong cấu trúc văn bản: nếu là những nội dung có thể truy nguyên, đó là “sự thật”; nếu là những nội dung khó kiểm chứng và có vai trò thứ yếu (như nhân vật phụ, quang cảnh, cảm xúc,...), đó là “hư cấu”. Sự xuất hiện của các nhân vật phụ và các chi tiết thuộc về bối cảnh không ảnh hưởng đáng kể đến “sự thật”. Trong khi đó, thái độ, tình cảm cũng được quan niệm là dạng thức của “sự thật”, đó là “hiện thực tâm hồn”, nhưng trong trường hợp này, nó được xem như thành phần “hư cấu” bởi không nhằm tái hiện hiện thực một

cách khách quan, mà để biểu đạt quan điểm của chủ thể. Sự phân biệt tương đối này không nhằm giới hạn ký trong khuôn khổ phi hư cấu nghiêm ngặt, mà làm nổi bật đặc trưng của ký như một thể loại văn học giàu chất liệu “sự thật” được chuyển tải bằng phương thức nghệ thuật.

Ngữ liệu nghiên cứu trong bài viết được chọn theo các tiêu chí: (1) ngữ liệu nghiên cứu là ký viết về đề tài lịch sử của Trần Dũng; (2) ngữ liệu nghiên cứu thuộc ký, gồm các tác phẩm mang đặc điểm ký, hoặc được xác nhận là ký trên văn bản có thông tin xác thực về thể loại do tác giả và nhà xuất bản công bố, hoặc được giới thiệu là ký trong các tuyển tập, không tập trung vào việc phân chia và xác định các tiểu loại của ký. Dựa trên các tiêu chí này, ngữ liệu nghiên cứu được xác định gồm những bài ký trong các tập ký: *Theo sóng Cần Chong* (*Theo sóng Cần Chong, Khi đất hoá rồng, Chim ưng đỏ, Hai người đàn bà trong đời vị anh hùng*); *Sóng của sông* (*Kẻ phản bội, Biển mặn, Cặp hùm thiêng vùng đất đỏ miền Đông, Chuyện chưa kể ở một xã anh hùng, Như ngọn triều dâng*); *Sóng bủa Cồn Ngao* (*Những khoảng lặng của khúc tụng ca chiến thắng*). Những ngữ liệu này cung cấp cơ sở để nghiên cứu diễn ngôn ký, từ đó làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố hiện thực, văn bản và nghệ thuật trong sáng tác của Trần Dũng.

Diễn ngôn ký lịch sử của Trần Dũng nhìn từ mã thể loại

Mã “sự thật”: từ nhân vật lịch sử đến sự kiện lịch sử và sự chi phối của quyền lực xã hội

Trong ký lịch sử, Trần Dũng tạo nên hệ chủ đề lịch sử dựa trên quan niệm lịch sử như một quá trình đấu tranh giành độc lập của dân tộc. Hệ chủ đề lịch sử có đặc điểm như vậy vì nó tồn tại trong một diễn ngôn được tạo thành từ các ký hiệu, trong đó có nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử. Việc xem các yếu tố này là ký hiệu xuất phát từ quan niệm ký hiệu học và phân tích diễn ngôn cho thấy: chúng không chỉ đại diện cho sự kiện hay nhân vật cụ thể trong lịch sử, mà còn là những yếu tố biểu nghĩa, chịu sự kiến tạo bởi ngôn ngữ và quyền lực. Trần Dũng tiếp cận các ký hiệu ấy từ điểm nhìn định giá gắn với lợi ích dân tộc, qua đó xác lập ranh giới ý nghĩa giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa anh hùng và thù địch. Nói cách khác, từ những ký hiệu trên, Trần Dũng kiến tạo nên chiến lược diễn ngôn. Trong đó, lịch sử không còn là chuỗi sự kiện trung tính, mà là cấu trúc ý nghĩa được tổ chức theo logic của lý tưởng dân tộc. Do vậy, nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử không chỉ là ký hiệu, dùng để biểu thị sự vật, hiện tượng, mà còn trở thành hệ thống mã đặc thù, gọi là “**mã sự thật**”, đóng vai trò then chốt trong

việc **xác lập tính hợp lệ cho những gì được xem là “sự thật”** trong diễn ngôn lịch sử.

Ở đây, cần phân biệt giữa “sự thật” như khái niệm giả định về những gì từng xảy ra trong quá khứ với “mã sự thật”, tức hệ thống các dấu hiệu có chức năng hợp thức hóa cái được xem như “sự thật” trong diễn ngôn. Trong ký lịch sử của Trần Dũng, “mã sự thật” được thể hiện qua cách lựa chọn, trình bày, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử, vốn không mang tính ngẫu nhiên, chịu sự định hướng của những thẩm quyền diễn ngôn như ý thức hệ dân tộc, quyền lực chính trị, lập trường cá nhân. Các yếu tố này tạo nên **khung tham chiếu giá trị**, khiến lịch sử không còn là sự ghi chép khách quan, mà trở thành **hệ thống biểu đạt được sắp xếp và định hướng nhằm phục vụ mục tiêu nhất định**. Cơ chế vận hành của “mã sự thật” có thể được nhận diện từ hai hướng phân tích. Một là Phong cách học, cho thấy “mã sự thật” biểu hiện qua hệ thống tín hiệu như cấu trúc lời kể, ngữ điệu mô tả, cách nhấn mạnh chi tiết,... Tất cả đều ảnh hưởng đến cách người đọc tiếp nhận thông tin lịch sử. Hai là từ góc nhìn Xã hội học, “mã sự thật” thể hiện ở quá trình hình thành đối tượng tri thức: sự kiện nào được chọn để kể, ai được trao quyền phát ngôn, từ vị thế nào trong hệ trật quyền lực.

Theo lý thuyết diễn ngôn của M. Foucault, khái niệm “**bề mặt xuất hiện**” (surfaces of emergence) để cập đến các bối cảnh, lĩnh vực, môi trường, nơi mà những hiện tượng cụ thể được nhận diện, thảo luận và trở thành đối tượng của diễn ngôn. Đây là “không gian”, trong đó đối tượng bắt đầu xuất hiện, được định hình qua ngôn ngữ và thực tiễn xã hội. Việc áp dụng khái niệm này vào trường hợp ký lịch sử của Trần Dũng giúp làm rõ cách nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử không chỉ được trình bày như tư liệu, mà còn là sản phẩm của lựa chọn, sắp đặt, định giá theo quyền lực. Diễn ngôn lịch sử trong ký lịch sử của Trần Dũng gắn với những **bề mặt xuất hiện** (surfaces of emergence)³, tức những điểm mà qua đây yếu tố lịch sử được biểu hiện. Các bề mặt xuất hiện này gồm nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử, được xem như chuẩn mực để nhận thức lịch sử và giá trị mà nó phản ánh. Quá trình nhận thức chịu sự chi phối của **quyền lực xã hội**, khiến lịch sử không còn tồn tại một cách khách quan mà trở thành kết quả của **chọn lọc và tái tạo**. Nghiên cứu ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn, chúng tôi đã khảo sát và thống kê nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử, cụ thể như sau:

Bảng 1: Thống kê nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử trong ký của Trần Dũng [Nguồn: Tác giả]

Số thứ tự/ Tổng	Nhân vật lịch sử	Sự kiện lịch sử	Bài ký	Tập ký
1	Nguyễn Ánh Bá Đa Lộc Nguyễn Phước Cường (Sáu Cường) Chủ Lý Xã Sự Hồ Thị Hạnh (Năm Hương)	Trốn quân Tây Sơn Trận đấu giữa Sáu Cường và Ambadu Khai hoang, lập ấp bên dòng Rạch Lộ Nuôi con, cháu và hỗ trợ kháng chiến	<i>Theo sóng Cần Chong</i>	<i>Theo sóng Cần Chong</i>
Tổng (1)	Số lượng Tỷ lệ	6 17,64%	4 12,91%	
2	Bùi Hữu Nghĩa Nguyễn Thị Tồn Đặng Công Khanh (Bảy Bờ Còng) Trần Văn Bắc (Hai Bắc) Sáu Mi Ba Thi Hồ Thị Nhâm	Cuộc chiến trên vàm Láng Thè và án oan của Bùi Hữu Nghĩa Hoạt động cách mạng và chữa trị cho người bị rắn độc cắn Tham gia du kích Chế tạo xuống nhôm bằng vỏ bom xăng đặc, đưa rước người hoạt động cách mạng Đấu tranh chính trị, tham gia phong trào phụ nữ Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định Mang bom vào sào huyệt kẻ thù trong huyện lỵ Càng Long	<i>Khi đất hoá rồng</i>	
Tổng (2)	Số lượng Tỷ lệ	7 20,58%	6 19,37%	
3	Trần Long Chu (Tử Du)	Đánh chìm tàu Pháp Cuộc tranh biện giữa Trần Long Chu với Mai Thọ Tuyển Chuẩn bị cho cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ	<i>Chim ưng đỏ</i>	
Tổng (3)	Số lượng	1	3	

Continued on next page

Table 1 continued

	Tỷ lệ	2,94%	9,67%		
4		Nguyễn Hoà Luông	Chi huy thanh niên xây dựng mặt hàn ngang làm bằng đất ở ngã ba sông Bến Cát, tiêu diệt tàu sắt của Pháp Thành lập và chỉ huy đơn vị Công an xung phong huyện Cầu Kè Phục kích Ma Rốc Tổ chức nhiều trận đánh vào cơ quan đầu não của Pháp Tiêu diệt Xã Sơn - cán bộ chiến sĩ cũ, tay sai của Pháp Giải cứu Đình Công Thành – Phó Ban Nguy địch vận tỉnh, thành viên Ban Chỉ huy chiến dịch Mắcsama Tiêu diệt tiểu đoàn bảo an tại lùm lú của viên hội đồng quản hạt Tiêu diệt tiểu đoàn Commandos	Hai người đàn bà trong đời vị anh hùng	
		Nguyễn Thị Út (Út Tịch)	Giải cứu Đình Công Thành – Phó Ban Nguy địch vận tỉnh, thành viên Ban Chỉ huy chiến dịch Mắcsama		
Tổng (4)	Số lượng	2	7		
	Tỷ lệ	5,88%	22,60%		
5		Nguyễn Văn Hớn (Sáu Hớn)	Trận đấu giữa Nguyễn Văn Hớn và Kid Chocolate (Tây Ba Đua) Tiêu diệt tay sai của Pháp	Hùm xám Tiểu Cẩn	Sóng của sông
		Bảy Quý	Trộm súng của Pháp ở đồn Rạch Sắn		
Tổng (5)	Số lượng	2	3		
	Tỷ lệ	5,88%	9,67%		
6		Hương Thiển Hai Tắt Ngô Đình Diệm Lương Duy Ủy	Xây dựng và khánh thành khu trù mật Cái Đồi	Kẻ phản bội	
Tổng (6)	Số lượng	4	1		
	Tỷ lệ	11,76%	3,22%		
7		Hồ Đức Thắng	Thăm dò cách bố trí phòng tuyến của địch trên biển, vận chuyển vũ khí chi viện chiến trường miền Nam	Biển mặn	
Tổng (7)	Số lượng	1	1		

Continued on next page

Table 1 continued

	Tỷ lệ	2,94%	3,22%	
8		Huỳnh Văn Nghệ	Thuyết phục Bảy Viễn nhận chức Khu bộ phó Khu Bảy do Trung ương, Chính phủ và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ giao phó	<i>Cặp hùm thiêng vùng đất đỏ miền Đông</i>
Tổng (8)	Số lượng	Bùi Cát Vũ 2	Diệt hổ dữ trong chiến khu D 2	
	Tỷ lệ	5,88%	6,45%	
9		Thiếu úy Phẩm	Cắt đầu liệt sĩ chỉ huy du kích Năm Chói, mang về căn cứ Bùng Binh để thị uy	<i>Chuyện chưa kể ở một xã anh hùng</i>
Tổng (9)		Bảy Chúc	Mang đầu liệt sĩ du kích Năm Chói về cho gia đình	
	Số lượng	2	2	
	Tỷ lệ	5,88%	6,45%	
10		Tư Kiệt	Kêu gọi chính quyền Sài Gòn buông súng đầu hàng và vận động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền	<i>Như ngọn triều dâng</i>
Tổng (10)		Bảy Trường Tư Phong Ba “Tôi”		
	Số lượng	5	1	
	Tỷ lệ	14,74%	3,22%	
11		Nguyễn Văn Xe	Chiến dịch Bắcsama – Cầu Kè	<i>Những khoảnh khắc lặng của khúc tụng ca chiến thắng</i>
Tổng (11)		Bà má người Miên		<i>Sóng bủa Côn Ngao</i>
	Số lượng	2	1	
	Tỷ lệ	5,88%	3,22%	
Tổng	Số lượng	34	31	

Về nhân vật lịch sử, chúng tôi xác định được 34 nhân vật được nhắc đến trong toàn bộ ký lịch sử của Trần Dũng (xem Bảng ??). Các nhân vật này chủ yếu được gọi bằng tên thật hoặc biệt danh, đều dựa trên nguyên mẫu có thật trong lịch sử Việt Nam. Việc xác định và thống kê dựa trên tiêu chí: nhân vật phải có tên riêng hoặc biệt danh cụ thể, được tái hiện từ tư liệu lịch sử và có vai trò nhất định trong mạch kể. Tỷ lệ phần trăm trong bảng được tính trên tổng số 34 nhân vật này nhằm chỉ ra tần suất và mức độ tập trung của tác giả vào từng nhóm nhân vật khác nhau. Số lượng nhân vật lớn cho thấy đặc điểm nổi bật trong ký lịch sử của Trần Dũng: lấy con người làm trung tâm của diễn ngôn lịch sử. Nhân vật không chỉ là phương tiện để tái hiện sự kiện, mà còn mang quan điểm cá nhân, góp phần tạo nên hiện thực lịch sử đa chiều. Ví dụ như Trần Long Chu trong *Chim ưng đỏ*, Nguyễn Văn Hớn trong *Hùm xám Tiểu Cẩn* đều là những đại diện cho các thời kỳ và mâu thuẫn lịch sử cụ thể.

Về sự kiện lịch sử, chúng tôi xác định được 31 sự kiện có thật được nhắc đến trong toàn bộ ký lịch sử của Trần Dũng (Bảng 1). Các sự kiện được xác định và thống kê dựa trên tiêu chí: có địa điểm, thời gian rõ ràng; gắn với một hoặc nhiều nhân vật lịch sử cụ thể; tác động đến tiến trình lịch sử được phản ánh trong tác phẩm. Tỷ lệ phần trăm trong bảng được tính trên tổng số 31 sự kiện này nhằm chỉ ra tần suất và mức độ tập trung của tác giả vào từng nhóm sự kiện khác nhau.

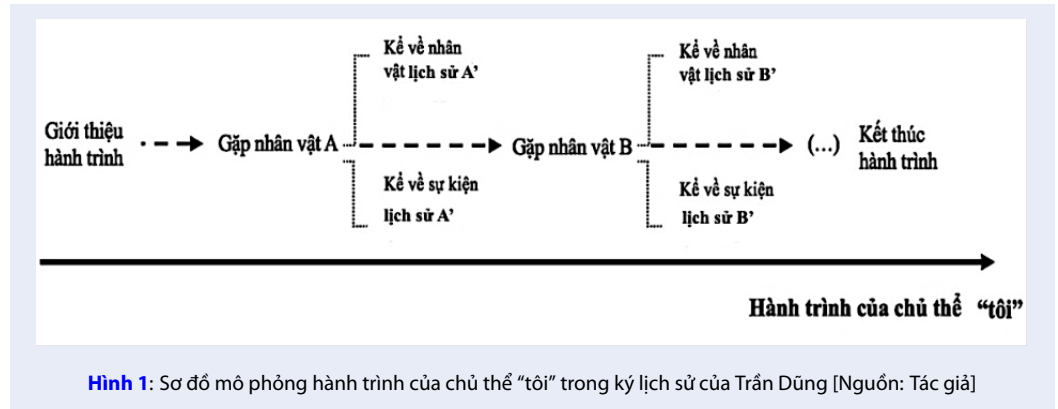
Con số vừa nêu phản ánh mức độ đậm đặc của chất liệu lịch sử trong tác phẩm ký. Những sự kiện như trận đánh tàu Pháp ở cửa Đại hay trận đấu giữa Nguyễn Văn Hớn và Kid Chocolate được tái hiện với độ chính xác tương đối cao, được đặt vào mạch kể mang tính nhân văn, giúp người đọc tiếp cận lịch sử bằng cái nhìn sống động và đầy cảm xúc. Việc thống kê số lượng nhân vật và sự kiện như trên, kết hợp với tỷ lệ phân bố, đã nhấn mạnh sự dồi dào của tư liệu lịch sử và dụng ý nghệ thuật của tác giả trong việc lựa chọn, tổ chức và trình bày các chi tiết lịch sử.

Sự xuất hiện của nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử thường theo mô thức sau (xem¹):

Trong ký lịch sử, Trần Dũng xây dựng một hoặc nhiều hành trình gắn với chủ thể “tôi”, đóng vai trò như mắt xích quan trọng trong việc kiến tạo diễn ngôn lịch sử. Chủ thể “tôi” đóng vai trò môi giới, tạo điều kiện cho các yếu tố lịch sử như nhân vật và sự kiện lần lượt xuất hiện cũng như vận hành trong cấu trúc trần thuật. Cơ chế này thể hiện rõ trong *Chim ưng đỏ* (2009), khi hành trình của chủ thể “tôi” bắt đầu từ chuyến đi đến làng biển Mỹ Long theo lời mời của Dương Hoàng Sum – Bí thư Đảng ủy thị trấn Mỹ Long. Hành trình này trở thành “bề mặt phát ngôn” cho mã “sự

thật”, làm xuất hiện nhân vật Trần Long Chu, được giới thiệu ngay từ đầu: “Giới thiệu với nhà báo, đây là nhà cách mạng lão thành Trần Long Chu. Năm nay, cụ sắp bước vào tuổi chín mươi, sẽ nhận huy hiệu Bảy mươi năm tuổi Đảng vào dịp kỷ niệm Ba tháng Hai tới. Hôm nay, mời nhà báo cùng tham dự chuyến hành hương trở về chiến trường xưa của cụ!” [5, tr.83]. Với lời giới thiệu này, Trần Long Chu trở thành chứng nhân của quá khứ, tạm thời điều phối diễn ngôn, thay thế cho chủ thể “tôi” trong việc dẫn dắt câu chuyện. Qua lời kể của ông, sự kiện đánh chìm tàu Pháp dần được phục dựng. Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính Phủ, Trần Long Chu và đồng đội nhận nhiệm vụ vận chuyển lương thực cứu đói miền Trung, miền Bắc và tìm cách thu mua vũ khí của Nhật để phục vụ kháng chiến ở Nam Bộ. Một buổi trưa, khi vượt qua cửa Đại, thuộc địa phận Bến Tre, tàu của quân ta bị phát hiện, dẫn đến trận đánh không cân sức. Cuối cùng, tàu của địch bị đánh chìm bởi một quả lựu đạn. Sau trận chiến, Trần Long Chu kiểm tra quân số, phát hiện một đồng chí bị thương nặng và hy sinh không lâu sau đó. Người dân báo tin cho ông: “Hơn một trung đội thủy quân lục chiến, vừa Pháp vừa Việt, trong đó có đại úy Tracquet theo theo chiếc tàu chỉ huy sở Capitant, vui xúc dưới biển Đông. Ta hy sinh một, bị thương một” [5, tr.87]. Khi được chủ thể “tôi” hỏi về vị trí vết thương, Trần Long Chu không trả lời: “Hương tâm nhìn vào nơi nào đó, mông lưng lăm. Ánh mắt ông lộ vẻ bùi ngùi, xót xa” [5, tr.88]. Có lẽ, đó là vết thương tâm hồn, khi ông chứng kiến đồng đội hy sinh nhưng không thể can thiệp. Kết thúc sự kiện đánh chìm tàu Pháp, Trần Long Chu hồi cố về cuộc tranh biện giữa ông với Mai Thọ Tuyển. Trong đó, ông tố cáo em vợ của Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá có thái độ ngang tàng, ức hiếp người dân. Chuỗi sự kiện và nhân vật lịch sử được khơi mở qua dòng hồi cố của Trần Long Chu, nhưng sự xuất hiện của chúng không ngẫu nhiên, mà được kích hoạt bởi tình huống giao tiếp mang tính gợi dẫn từ phía chủ thể “tôi”. Tại đây, cơ chế hoạt động của “mã sự thật” trở nên rõ nét: các sự kiện và nhân vật lịch sử không chỉ đơn thuần là tư liệu, mà còn được lựa chọn, gắn kết, mã hóa trong cấu trúc diễn ngôn có định hướng. Định hướng ấy nhằm khẳng định những giá trị như tinh thần kháng chiến, sự hy sinh của các chiến sĩ cách mạng. Qua chuyến đi về chiến trường xưa, Trần Long Chu xuất hiện như tác nhân diễn ngôn, tái hiện sự kiện theo logic mang tính định giá, hướng về lợi ích dân tộc. Cách trình bày này cho thấy sự kiện lịch sử không đơn thuần là tư liệu, mà còn là kết quả của sự lựa chọn và mã hóa bởi quyền lực.

Cũng trong lý thuyết diễn ngôn của M. Foucault, khái niệm thẩm quyền về phân định (authorities of delimitation) liên quan đến các cơ chế và chủ thể có quyền



Hình 1: Sơ đồ mô phỏng hành trình của chủ thể “tôi” trong ký lịch sử của Trần Dũng [Nguồn: Tác giả]

xác định ranh giới của diễn ngôn, nghĩa là quyết định cái gì được xem là hợp lệ hoặc không hợp lệ trong lĩnh vực tri thức nhất định. Trong ký lịch sử của Trần Dũng, những bề mặt xuất hiện được kiến tạo qua những thẩm quyền về phân định, xuất phát từ bối cảnh chính trị - xã hội và quyền lực diễn ngôn, chi phối quá trình tái hiện lịch sử. Các nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử được phân định rõ ràng về mặt giá trị, dựa trên nguyên tắc định giá hướng về lợi ích dân tộc. Các nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử hướng về lợi ích dân tộc luôn được khắc họa bằng cảm hứng ngợi ca. Ngược lại, các nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử gây hại cho dân tộc luôn được khắc họa bằng cảm hứng phê phán. Đơn cử như trong *Hùm xám Tiểu Cấn* (2006), nhà văn phân định giá trị của các nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử một cách rạch ròi. Ở trận đấu giữa Nguyễn Văn Hớn (Sáu Hớn) và Kid Chocolate (Tây Ba Đưa), Nguyễn Văn Hớn được khắc họa là võ sĩ tài giỏi, hành hiệp trượng nghĩa, trừ hại cho dân, còn Kid Chocolate được khắc họa là tay sai của Hắc công tử xứ muối Bạc Liêu, tự cao tự đại, ý mạnh hiếp yếu [6, tr.37-39]. Qua câu chuyện này, Trần Dũng không chỉ kể lại quá khứ, mà còn tạo dựng lại hiện thực lịch sử qua diễn ngôn, góp phần tái hiện “tiếng nói” của dân tộc trong quá trình kháng chiến. Nguyễn Văn Hớn và Kid Chocolate, cùng những sự kiện liên quan được nhà văn lấy cảm hứng từ thực tiễn, tạo nên tính xác thực cao. Trong bối cảnh lịch sử bấy giờ, thực dân Pháp và bọn tay sai như Kid Chocolate được xem là kẻ thù của dân tộc, những người hành hiệp trượng nghĩa như Nguyễn Văn Hớn được tôn vinh là anh hùng. Bên cạnh sự phê duyệt của quyền lực xã hội, lập trường tư tưởng của nhà văn đóng vai trò như **thẩm quyền quan trọng trong việc phân định** giá trị của nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử. Trên nền tảng lập trường dân tộc, nhà văn hướng về lợi ích dân tộc, chia sẻ niềm vui và nỗi đau của dân tộc. Đây được xem là trách nhiệm của nhà văn. Sự phân định giá trị được kiến

tạo qua các thẩm quyền góp phần phục dựng lịch sử và giá trị mà nó phản ánh trong **diễn ngôn ký lịch sử** của Trần Dũng.

Hiệu quả của “mã sự thật” trong ký lịch sử Trần Dũng là việc kiến tạo hiện thực lịch sử “được chấp nhận”, vừa mang tính xác thực nhờ kết nối với tư liệu thực tế, vừa được tái tạo bằng diễn ngôn mang tính tư tưởng. Qua đó, tác phẩm không chỉ kể lại quá khứ, còn phát biểu lập trường, khơi dậy tinh thần dân tộc trong hiện tại. Vì vậy, diễn ngôn lịch sử trong ký của Trần Dũng là cấu trúc diễn giải lịch sử có tính định hướng. Trong đó “mã sự thật” giữ vai trò trung tâm ở việc xác lập thẩm quyền, giá trị, ý nghĩa của cái gọi là “sự thật”.

Tựu trung, trong ký lịch sử, Trần Dũng phục dựng quá trình đấu tranh gian khổ của dân tộc qua hệ chủ đề lịch sử, hình thành diễn ngôn lịch sử. Diễn ngôn lịch sử gắn với những **bề mặt xuất hiện**, nơi giá trị lịch sử được hình thành và biểu hiện dưới sự chi phối của **quyền lực xã hội**. Với điểm nhìn định giá tập trung vào **lợi ích dân tộc**, Trần Dũng **phân định giá trị** của những **bề mặt xuất hiện** dựa vào các thẩm quyền: **mã “sự thật” từ thực tiễn, sự phê duyệt của quyền lực xã hội, lập trường tư tưởng cá nhân**. Qua đó, **Trần Dũng không chỉ lưu giữ quá khứ mà còn mang đến “tiếng nói” riêng, góp phần bồi đắp ý thức dân tộc, khẳng định trách nhiệm của người cầm bút trong việc bảo tồn và tái hiện lịch sử như quá trình đấu tranh vì chân lý**.

Mã “hư cấu”: từ “siêu văn bản” đến “siêu thể loại” và sự chi phối của quyền lực nhà văn

Diễn ngôn không phải thực thể khách quan mà con người có thể tiếp thu trực tiếp, nhưng tồn tại trong các mối quan hệ nhận thức giữa con người và đối tượng được phản ánh. Trong ký lịch sử của Trần Dũng, người đọc chỉ có thể nhận thức lịch sử và giá trị mà nó biểu đạt qua diễn ngôn. Bên cạnh những bề mặt xuất hiện (surfaces of emergence) và những thẩm quyền

về phân định (authorities of delimitation), diễn ngôn này còn có các quy trình về sự can thiệp (procedures of intervention)³. Đó là những cơ chế mà quyền lực tác động trực tiếp vào nội dung và hình thức của diễn ngôn, tái cấu trúc đối tượng biểu đạt theo những chiến lược cụ thể.

Quy trình can thiệp trong ký lịch sử của Trần Dũng thể hiện rõ nét qua mã “hư cấu” – công cụ nghệ thuật mà nhà văn vận dụng để tổ chức lại yếu tố lịch sử. Yếu tố lịch sử trong tác phẩm không tự tồn tại, mà chỉ thực sự hình thành như diễn ngôn khi được nhà văn tổ chức lại qua lăng kính nghệ thuật. Từ đó, hai hướng tiếp cận được sử dụng để phân tích chiến lược diễn ngôn trong tác phẩm: (1) góc nhìn Phong cách học giúp nhận diện mã “hư cấu” qua hiện tượng “siêu văn bản” và “siêu thể loại”; (2) góc nhìn Xã hội học giúp giải thích các nguyên tắc tạo lập đối tượng (formation of objects) từ mã “hư cấu”, phản ánh sự cấu thành của lịch sử như một hiện tượng xã hội chịu sự chi phối của quyền lực.

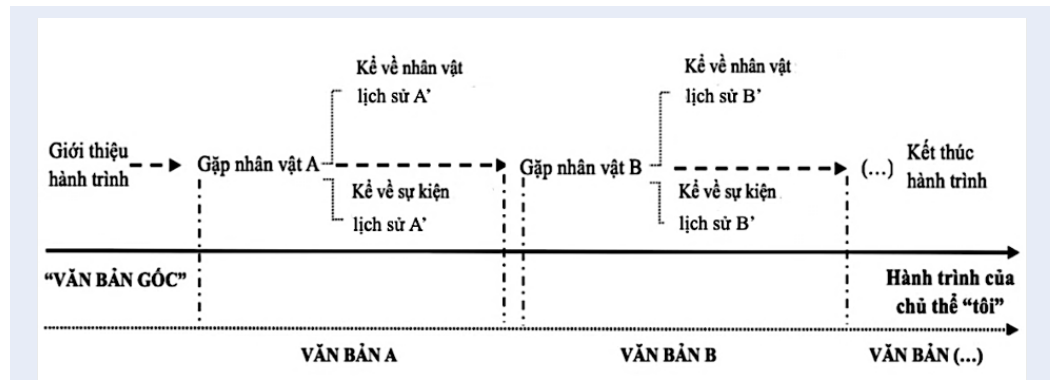
Từ góc độ văn học, “siêu văn bản” được Trịnh Bá Đĩnh định nghĩa trong *Ký hiệu học văn chương - biểu tượng và văn bản nghệ thuật* (2023) như sau:

Siêu văn bản là một cấp độ văn bản đặc biệt được tác giả tạo ra cho một mục đích cụ thể. Như một loại văn bản “bổ sung”, siêu văn bản trong tác phẩm văn học mang tải ngữ nghĩa riêng, mặc dù liên quan chặt chẽ với “văn bản thứ nhất”, nhưng so với nó lại có bản chất hoàn toàn khác [7, tr.202].

Theo cách hiểu trên, “siêu văn bản” được xem như sự tổng hợp của các dạng thức văn bản trong “văn bản gốc”. Các dạng thức này vừa liên kết chặt chẽ với nguyên mẫu, vừa mang tính độc lập, không hoàn toàn đồng nhất với văn bản ban đầu. Trong ký lịch sử của Trần Dũng, “siêu văn bản” biểu hiện ở dạng thức “T (Text) trong t (text)” (Văn bản trong văn bản), tạo nên một cấu trúc đặc thù (xem Hình 2). Đây là chiến lược tổ chức văn bản giúp nhà văn can thiệp vào mã “sự thật” bằng cách trao quyền kể cho chủ thể “tôi” và các nhân vật khác, từ đó tạo nên kết cấu phân mảnh, đa tuyến. Những nhân vật được khắc họa không chỉ như người chứng kiến lịch sử, mà còn như người kiến tạo lịch sử qua hành vi kể chuyện. Chủ thể “tôi” đóng vai trò điều phối các lời kể, đồng thời là nhân vật trung gian giữ quyền lực diễn ngôn. Cấu trúc văn bản được tổ chức như hành trình ghi nhớ. Quá khứ được hồi cố qua yếu tố tự sự mang đặc trưng truyện ngắn: người kể chuyện, điểm nhìn, không – thời gian nghệ thuật... Nhờ đó, ký lịch sử của Trần Dũng vượt ra khỏi giới hạn của thể loại truyền thống, hình thành “siêu thể loại”. Đây là kết cấu linh hoạt kết hợp giữa truyện ngắn, ký sự và lịch sử. Sự đan xen giữa “sự thật” và “hư cấu” vừa phản ánh tính đa chiều

của lịch sử, vừa thể hiện quyền năng sáng tạo của nhà văn trong việc tái cấu trúc diễn ngôn lịch sử.

Chẳng hạn, trong *Những khoảng lặng của khúc tụng ca chiến thắng* (2012), quá trình vận hành của mã “hư cấu” thể hiện qua trình tự hồi cố của hành trình trở về chiến trường Cầu Kè. Mỗi nhân vật được trao quyền kể, từ Đại tá Nguyễn Việt Trần đến Đại tá Võ Văn Quảng, đều không chỉ thuật lại trải nghiệm cá nhân, mà còn kiến tạo các sự kiện lịch sử theo cách nhìn của họ. Theo dòng hồi cố của chủ thể “tôi”, hàng năm, Tiểu đoàn đều họp mặt, để nhắc nhớ quá khứ oai hùng của một đơn vị chủ lực quân đã được thành lập, trưởng thành, chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Lần họp mặt này diễn ra tại chiến trường Cầu Kè. Với sự tham gia của chủ thể “tôi”, hành trình về lại chiến trường Cầu Kè, thăm những nơi mà họ từng chiến đấu, là hành trình phục dựng lịch sử oai hùng của dân tộc. Trong hành trình, mỗi cựu chiến binh đều hóa thân thành người kể chuyện, tái hiện ký ức của bản thân. Sự luân chuyển vai trò giữa các nhân vật, từ kể chuyện đến điều phối, cho thấy cách vận hành của quyền lực trong diễn ngôn: ai có quyền kể, kể cái gì, kể như thế nào. Vì vậy, chiến lược diễn ngôn trong ký lịch sử của Trần Dũng là hành vi kiến tạo quyền lực. Diễn ngôn lịch sử ban đầu mang tính khách quan của sự kiện, dần dần chuyển hóa thành sản phẩm chủ quan của người kể chuyện. Ở đó, các nhân vật vận hành quyền lực phát ngôn. Sự dịch chuyển này thể hiện chiến lược của Trần Dũng trong việc định nghĩa lại bản chất của lịch sử như diễn ngôn đa thanh, đa điểm nhìn và mang tính tương tác. Tác phẩm đồng thời duy trì và phá vỡ đặc điểm tuyến tính của lịch sử chính thống, đưa người đọc vào cấu trúc ký ức phân tử: lịch sử không chỉ được nhớ lại, mà còn được kể lại, mỗi hành vi kể chuyện là một hành vi định nghĩa lại lịch sử. Khi đoàn đến ngôi chùa Khmer Bắcsama, Đại tá Nguyễn Việt Trần bồi hồi: “Chiến dịch Bắcsama - Cầu Kè là một chiến dịch lớn, một chiến công phi thường được ghi lại khá đậm nét trong quyển lịch sử huyện Cầu Kè cũng như quyển lịch sử tỉnh Trà Vinh, mà những người có chút quan tâm đến truyền thống lịch sử địa phương như tôi đều thông thuộc” [8, tr.49]. Theo lời nhân vật, đây là nơi Tiểu đoàn 307 và các đơn vị phối hợp vừa chiến đấu hơn mười trận, vừa làm công tác vận động quần chúng, giúp cộng đồng hiểu về âm mưu của kẻ thù và động viên họ tham gia chiến đấu. Kết thúc lời kể của Đại tá Nguyễn Việt Trần, chủ thể “tôi” trở lại vai trò điều phối diễn tiến hành trình. Sau câu chuyện của Đại tá Nguyễn Việt Trần, chủ thể “tôi” chuyển vai trò điều phối sang Đại tá Võ Văn Quảng, nguyên chiến sĩ trinh sát đặc biệt có nhiệm vụ điều nghiên thực địa đồn Bắcsama, nhắc về việc “bà má



Hình 2: Sơ đồ mô phỏng dạng thức “T (Text) trong t (text)” trong ký lịch sử của Trần Dũng [Nguồn: Tác giả]

người Miên” tình nguyện vào đồn thăm dò tình hình và báo lại với bộ đội: “Bà má ấy bình thân bước về nhà lấy thau cơm, rồi hai tay nhẹ nhàng bưng vào chùa dâng lên sư sai. Chân đứng trước sân chùa, hai tay chấp trước ngực cung kính đón nhận câu kinh cầu phúc của lục mà ánh mắt má để ý bên sân đồn, khắp lượt từ trước ra sau, từ trái qua phải” [8, tr.52]. Nhờ thông tin từ bà má, bộ đội đã tìm ra điểm yếu của địch và thiêu rụi đồn Bắcsama. Câu chuyện của Đại tá Võ Văn Quang chấm dứt, đoàn cựu chiến binh rời Phong Thạnh, đi đến Phong Phú. Tại đây, Đại tá Nguyễn Việt Trân tái hiện câu chuyện oai hùng của liệt sĩ Nguyễn Văn Xe, người dân ở Phong Phú. Cứ thế, hành trình về thăm chiến trường của cựu chiến binh tiếp tục diễn ra, với nhiều lát cắt lịch sử được tái hiện qua những câu chuyện chân thực nhưng cũng đậm chất nghệ thuật, như những mẫu truyện ngắn “có thật”, với đầy đủ yếu tố tự sự: người kể chuyện, điểm nhìn, không – thời gian nghệ thuật,... Chính cách triển khai chuỗi chuyện kể này đã tạo nên dạng thức “siêu thể loại” trong ký lịch sử của Trần Dũng, kết hợp giữa yếu tố “sự thật” và yếu tố “hư cấu”, giữa lịch sử, ký sự và truyện ngắn.

Từ trình tự các câu chuyện trong hành trình về thăm chiến trường Cầu Kè, có thể nhận thấy, ký lịch sử của Trần Dũng là một thực hành diễn ngôn, kiến tạo quyền lực và tri thức, duy trì và tái cấu trúc qua các lời kể. Hành trình về thăm chiến trường Cầu Kè là hành trình định nghĩa, kiểm soát phương thức ghi nhớ và diễn giải lịch sử. Trong cấu trúc diễn ngôn của tác phẩm, nhân vật “tôi” đóng vai trò chủ thể phát ngôn trung gian, điều phối các lời kể. Tuy nhiên, diễn ngôn không phải là sự trung tính, mà phản ánh sự vận hành của quyền lực. Các nhân vật không chỉ kể chuyện, mà còn thực hành quyền lực diễn ngôn, định hình cách lịch sử được nhìn nhận, từ chiến dịch Bắcsama - Cầu Kè đến những trận đánh then chốt và câu chuyện cá nhân.

Ký lịch sử của Trần Dũng có sự giao thoa giữa các diễn ngôn, chi phối nhận thức về lịch sử. Ban đầu, diễn ngôn ký ức xuất hiện dưới dạng sự kiện, mang tính khách quan, nhưng dần chuyển sang những câu chuyện cá nhân, trao quyền lực diễn ngôn cho các nhân vật cụ thể. Sự dịch chuyển này phản ánh cách tổ chức diễn ngôn lịch sử không phải như “sự thật” tuyệt đối, mà như tập hợp các phát ngôn chịu sự chi phối của quyền lực, trong đó cá nhân và tập thể cùng tham gia vào quá trình kiến tạo ý nghĩa.

Bằng cách kết hợp giữa yếu tố lịch sử và yếu tố “hư cấu”, tác phẩm vừa duy trì vừa phá vỡ đặc điểm tuyến tính của diễn ngôn lịch sử chính thống. Ký ức không chỉ được phục dựng, mà còn được tái tạo theo logic diễn ngôn. Những gì được phát ngôn là kết quả của sự lựa chọn và sắp đặt. Như vậy, hành trình ký ức trong tác phẩm mang tính phản tư, đặt ra câu hỏi về bản chất của diễn ngôn lịch sử: Lịch sử được kể như thể nào? Ai có quyền kể? Đây là ranh giới giữa “sự thật” và diễn ngôn?...

“Siêu văn bản” trong ký lịch sử của Trần Dũng tạo nên không gian nghệ thuật đa chiều. Qua sự kết hợp giữa “sự thật” và “hư cấu”, tác giả tái hiện các câu chuyện lịch sử, lưu giữ ký ức dân tộc, thể hiện giá trị nhân văn. “Siêu văn bản” trong tác phẩm phản ánh quyền năng sáng tạo của nhà văn, đưa tác phẩm vượt khỏi ranh giới nghệ thuật để trở thành diễn ngôn lịch sử.

KẾT LUẬN

Ký lịch sử của Trần Dũng có sự kết hợp giữa “sự thật” lịch sử và “hư cấu” nghệ thuật. Nghiên cứu ký lịch sử của Trần Dũng từ góc nhìn diễn ngôn không chỉ làm rõ mối liên hệ giữa lịch sử và văn chương, mà còn nhấn mạnh vai trò của quyền lực đối với việc kiến tạo và biểu đạt thẩm mỹ. Đây là hướng nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, góp phần khẳng định vị trí của ký lịch sử trong Văn học Việt Nam hiện đại.

Với việc kết hợp chủ yếu ba phương pháp nghiên cứu, trong bài viết này, chúng tôi đã khái quát về diễn ngôn và ký lịch sử, khảo sát và thống kê nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử trong ký lịch sử của Trần Dũng, phân tích diễn ngôn ký lịch sử của Trần Dũng nhìn từ mã thể loại. Tác phẩm không hướng đến việc khẳng định chân lý duy nhất hay phát biểu tư tưởng mang tính quy kết, mà gợi mở sự suy tư, đối thoại về lịch sử, cũng như thân phận con người trước những biến động của thời cuộc.

Bài viết này góp phần vào chuỗi nghiên cứu về ký lịch sử trong Văn học Việt Nam hiện đại, đồng thời đặt nền móng cho những tìm tòi sâu rộng hơn về diễn ngôn ký trong Văn học Đồng bằng sông Cửu Long đầu thế kỷ XXI. Trong tương lai, hướng nghiên cứu này có thể tiếp tục khám phá sự vận động của ký lịch sử trong bối cảnh văn học đương đại, đặc biệt là những biểu hiện của tự do sáng tạo trong việc tái hiện lịch sử qua lăng kính nghệ thuật.

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Nhóm tác giả vận dụng lý thuyết diễn ngôn để luận giải ký lịch sử của Trần Dũng - một tác giả nổi bật về ký lịch sử trong Văn học Đồng bằng sông Cửu Long đầu thế kỷ XXI. Nguyễn Thị Hồng Hạnh khái quát một số vấn đề về cơ sở lý thuyết và định hướng tiếp cận. Phan Nguyễn Thanh Tân dựa trên cơ sở lý thuyết và định hướng tiếp cận để triển khai nghiên cứu. Tất cả tác giả đã đọc và thống nhất về phiên bản cuối cùng của bài viết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuấn TT; 2019. Available from: <https://vanchuongphuongnam.vn/tran-dung-nha-van-cua-chu-ki.html>.
2. Tuấn TT. Cọp chiến khu Đ và thiếu tướng Bùi Cát Vũ trong tập ký Sóng cửa sông. Tạp chí Văn nghệ Trà Vinh; 2023.
3. Toàn TV. Văn học như một diễn ngôn. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm; 2024.
4. Hà M, Đức. Những vấn đề về lý luận văn học. Hà Nội: NXB Giáo dục; 1962.
5. Dũng T. Theo sóng Cần Chong. Nxb Trẻ. 2009;.
6. Dũng T. Sóng cửa sông. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ; 2006.
7. Dũng T. Sóng bùa Cồn Ngao. Hà Nội: NXB Hội nhà văn; 2012.
8. Bá T, Đình . Ký hiệu học văn chương - biểu tượng và văn bản nghệ thuật. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2024.

Trần Dũng's historical reportage from a discourse perspective

Phan Nguyen Thanh Tan, Nguyen Thi Hong Hanh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Tran Dung's historical memoirs go beyond a mere recounting of the past; they embody a dialogic mechanism between history and the present, between the power of events and the power of language. This study examines Tran Dung's historical memoirs through the lens of discourse theory, aiming to clarify how this genre interweaves the codes of "truth" and "fiction" in its representation of history. By combining interdisciplinary, typological, and analytical-synthetic methods, the research reveals that the "truth code" is expressed through historical elements - characters and events - subject to the influence of social power, whereas the "fictional code" manifests in the "metatextual" structure, reflecting the writer's creative agency. The originality of the study lies in its identification of discourse as a distinctive form of power that directly participates in organizing, regulating, and interpreting history. Furthermore, the study defines the hybrid generic characteristics and expressive strategies in Tran Dung's historical memoirs. In doing so, it highlights the writer's role as a discursive subject - both witness and creator of history through language - thereby contributing to the expansion of research directions on contemporary Vietnamese historical memoirs in relation to poetics, culture, and society.

Key words: discourse, historical reportage, "factual" code, "fictional" code

Can Tho University, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Hong Hanh, Can Tho University, Vietnam

Email: nthhanh@ctu.edu.vn

History

- Received: 26-03-2025
- Revised: 10-11-2025
- Accepted: 07-05-2026
- Published Online: x

DOI : x



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Tan P N T, Hanh N T H. **Trần Dũng's historical reportage from a discourse perspective.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; x(x):x-x.